

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thu Huyền

2. Ông Nguyễn Tấn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977; Nơi thường trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: 268 đường B tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn B, sinh năm: 1971; Nơi thường trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn B tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi tổ chức hỏi cưới rồi chung sống với nhau, có

đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01 ngày 29/6/2004.

Quá trình chung sống với nhau, tôi và ông B phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần say xỉn ông B chửi bới nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì thương các con nên tôi đã nhiều lần bỏ qua, cho ông B có cơ hội sửa chữa nhưng ông B1 vẫn chứng nào tật nấy. Hiện nay tôi và ông B không ai quan tâm đến ai, sống mỗi người một nơi. Nhận thấy mâu thuẫn giữa tôi và ông B đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông B.

- Về con chung: Tôi và ông Nguyễn B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 07/7/2005; Nguyễn Thị Hiếu T, sinh ngày 09/12/2007. Cháu H đã thành niên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay tôi đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu T nên tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung nói trên. Tôi không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi và anh Nguyễn Bảo T1 thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cam Ranh phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn B được ly hôn. Về con chung: Cháu Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 07/7/2005 đã đủ 18 tuổi, bà Y không yêu cầu nên không xét. Giao cháu Nguyễn Thị Hiếu T, sinh ngày 09/12/2007 cho bà Nguyễn Thị Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Y về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà Y không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Y yêu cầu tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về ly hôn đối với ông Nguyễn B, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn B tự nguyện chung sống với nhau, được Ủy ban nhân dân xã C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01 ngày 29/6/2004 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Y cho rằng trong quá trình chung sống, do ông B không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần say xỉn ông B chửi bới nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì thương các con nên bà đã nhiều lần bỏ qua, cho ông B có cơ hội sửa chữa nhưng ông B vẫn chứng nào tật nấy. Hiện nay bà và ông B không ai quan tâm đến ai, sống mỗi người một nơi. nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm với bị đơn nên xin ly hôn. Ông B được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thấy: Khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không có thời gian gần gũi, cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T2 mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị Lan A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Thành T2 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 07/7/2005; Nguyễn Thị Hiếu T, sinh ngày 09/12/2007. Cháu H đã thành niên bà không yêu cầu giải quyết. Bà Y yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo cho con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu T là con gái có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, việc giao cháu T cho bà Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu ông Nguyễn B cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Bảo

2. Về con chung:

Cháu Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 07/7/2005 đã trưởng thành bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu nên không xét.

Giao cháu Nguyễn Thị Hiếu T, sinh ngày 09/12/2007 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu ông Nguyễn B cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

* Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004631 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Bà Nguyễn Thị Y đã nộp đủ tiền án phí.

Quy định: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hoàng Trịnh Thị Thu Huyền

Dương Thị Vân

